

Bản án số: 2639/2023/HNGĐ-ST

Ngày 27/12/2023

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Phạm Dũng Phát.

2. Ông Trần Ngọc Thực.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 249/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 5885/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Thúy U sinh năm 1989; Địa chỉ: 1 ấp T, xã T huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Tran Thong D, sinh năm 1963; Địa chỉ: B Elm Crossing T, TX G Hoa Kỳ (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và Bản tự khai ngày 10/11/2023 bà Phan Thị Thúy U trình bày:

Bà và ông Tran Thong D là vợ chồng chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 28 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 05/4/2017.

Sau khi kết hôn vợ chồng không chung sống cùng nhau do bà U ở Việt Nam ông D trở về Hoa Kỳ. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, khi sống xa nhau hai bên không còn liên lạc, quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Nhận thấy tình cảm không còn, cuộc hôn nhân không có hạnh phúc thật sự bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông Tran Thong D.

Về việc nuôi con: Bà Phan Thị Thúy U và ông Tran Thong D không có con chung nên không yêu cầu giải quyết về việc nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông T Thong Duc không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản trình bày ngày 30/4/2023 Ông Tran Thong D trình bày: Ông và bà Phan Thị Thúy U là vợ chồng chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 28 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 05/4/2017. Ông thống nhất với trình bày của bà Phan Thị Thúy U về mâu thuẫn vợ chồng. Sau khi kết hôn vợ chồng không sống chung, ông quay trở lại Mỹ sinh sống và làm việc bà U ở Việt Nam. Khi sống xa nhau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Mặc dù ông và bà Phan Thị Thúy U đã cố gắng đưa ra các giải pháp để hàn gắn nhưng không thể đoàn tụ. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt, tình cảm vợ chồng không còn, ông đồng ý ly hôn bà Phan Thị Thúy U.

Về việc nuôi con: Ông và bà Phan Thị Thúy U không có con chung nên không yêu cầu giải quyết về việc nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông và bà Phan Thị Thúy U không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự và những người tham gia tố tụng khác thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 37, Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa Gia đình và Người chưa thành niên - Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền.

Về nội dung: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 28 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 05/4/2017 thì quan hệ hôn nhân giữa ông Tran Thong D và bà Phan Thị Thúy U là hợp pháp. Xét thấy, theo trình bày thống nhất của các đương sự thì ông Tran Thong D và bà Phan Thị Thúy U đã không chung sống trong thời gian dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện tại hai người ở hai nước khó có thể đoàn tụ. Bà Phan Thị Thúy U yêu cầu ly hôn ông Tran Thong D, Ông Tran Thong D cũng đồng ý ly hôn bà Phan Thị Thúy U. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Thúy U là có căn cứ để chấp nhận. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Thúy U.

Về con chung: Bà Phan Thị Thúy U và ông Tran Thong D không có con chung; Tài sản chung và nợ chung: Bà Phan Thị Thúy U và ông T Thong Duc không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Phan Thị Thúy U và ông Tran Thong D là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa Gia đình và Người chưa thành niên - Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà Phan Thị Thúy U và ông Tran T1 Duc vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Phan Thị Thúy U và ông Tran Thong D.

[3] Về hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 28 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 05/4/2017 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Phan Thị Thúy U và ông Tran Thong D là hợp pháp. Theo trình bày thống nhất của hai bên đương sự thì bà Phan Thị Thúy U và ông Tran Thong D đã không chung sống trong thời gian dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Phan Thị Thúy U yêu cầu ly hôn ông Tran Thong D, ông Tran Thong D cũng đồng ý ly hôn bà Phan Thị Thúy U. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, thì bà Phan Thị Thúy U và ông Tran Thong D đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Thúy U có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về việc nuôi con: Bà Phan Thị Thúy U và ông Tran Thong D không có con chung nên không yêu cầu giải quyết về việc nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phan Thị Thúy U và ông T Thong Duc thống nhất trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bà Phan Thị Thúy U phải chịu án phí là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37; khoản 2 Điều 38; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 và khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Bà Phan Thị Thúy U được ly hôn ông Tran Thong D.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị Thúy U phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà Phan Thị Thúy U và ông Tran Thong D đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0002474 ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phan Thị Thúy U đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại của Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày đối với bà Phan Thị Thúy U và 01 (một) tháng đối với ông Tran Thong D kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ cho họ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Trần Ngọc Thực Huỳnh Phạm Dũng P

Trần Thanh M